

Số: 173/2017/DS-PT

Ngày: 22-9-2017

V/v tranh chấp chia thừa kế
quyền sử dụng nhà, đất và tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Đình Thi

Các Thẩm phán: Ông Cao Quốc Chiến

Ông Đào Văn Lung

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Lan Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Mai Thùy Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 133/2017/TLPT-DS ngày 29 tháng 8 năm 2017 về tranh chấp chia thừa kế quyền sử dụng nhà, đất và tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 16/2017/DS-ST ngày 13 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 207/2017/QĐ-PT ngày 04 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Trịnh Ái D, sinh năm: 1965 – có mặt.

Địa chỉ: ấp M, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

- *Bị đơn:* Bà Thị Đ, sinh năm: 1950 – có mặt.

Anh Trịnh Ái H (H), sinh năm: 1967 – có mặt.

Cùng địa chỉ: ấp M, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* NLQ1 (C), sinh năm 1976 - có mặt.

Địa chỉ: ấp M, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Trịnh Ái D.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Nguyên đơn ông Trịnh Ái D trình bày:

Cha anh tên Trịnh Ích T (chết năm 2013), mẹ anh tên Thị Đ. Cha mẹ anh có 02 người con chung tên Trịnh Ái D và Trịnh Ái H. Khi cha anh lúc sinh thời thì cha mẹ anh có tạo lập được một căn nhà gắn liền phần đất thổ cư có diện tích ngang 4,5 mét dài 26 mét. Nhà, đất tọa lạc tại ấp M, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang, phần nhà, đất này cha mẹ đã ở và làm cơ sở hàn tiện, sửa chữa máy nổ. Nay cha anh đã chết và hiện tại anh vẫn làm nghề hàn tiện, sửa chữa máy nổ trên phần nhà, đất này nhưng trong quá trình sử dụng thì mẹ và em trai anh tranh chấp không cho anh làm để kiếm tiền nuôi vợ con. Khi cha anh còn sống cha anh có nói là sau khi cha anh chết sẽ chia lại cho anh 1/2 diện tích căn nhà và đất nêu trên cho anh nhưng ông Trịnh Ích T chỉ nói bằng miệng, không có lập biên bản, không để lại di chúc và cũng không có ai chứng kiến.

Về phần các tài sản trong gia đình gồm có các vật dụng làm nghề hàn tiện, sửa chữa máy nổ như: 02 máy tiện, 01 máy phát điện (điện năng sử dụng 220v); 02 máy hàn loại 250A-300A; 03 chai oxy gió dùng hàn gió đá; 01 máy cắt sắt; 01 máy mũi mài; 01 khoan bàn; 01 kéo cắt sắt; 01 xe hon đa nhãn hiệu Đalim (Hàn Quốc) (tất cả đã qua sử dụng).

Tại phiên tòa sơ thẩm, anh Trịnh Ái D yêu cầu chia đôi nhà, đất trong tổng diện tích nhà, đất là ngang 4,5 mét, dài 13,5 mét, phần còn lại là 12,5m là của Nhà nước (phần này anh không yêu cầu), đất tọa lạc tại ấp M, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang và anh yêu cầu được nhận hiện vật là nhà, đất.

Đối với tài sản trong gia đình gồm 02 máy tiện, 02 máy hàn, 03 chai oxy gió dùng hàn gió đá; 01 máy phát điện 220v; 01 máy cắt sắt; 01 máy mũi mài; 01 khoan bàn; 01 kéo cắt sắt; 01 xe hon đa nhãn hiệu Đalim (Hàn Quốc) (tất cả đã qua sử dụng) anh yêu cầu lấy lại toàn bộ tài sản nêu trên cho anh, ngoài ra anh không có ý kiến hay yêu cầu gì thêm.

Anh yêu cầu tính công sức đóng góp cho anh từ năm 1995 đến năm 2013 với tổng số tiền là 360.000.000 đồng.

Anh đồng ý trả lại cho bà Thị Đ 01 máy hàn; 01 chai oxy cho bà Thị Đ và anh Trịnh Ái H.

Anh Trịnh Ái D đồng ý với kết quả định giá của cơ quan định giá mà Tòa án trưng cầu định giá, quyền sử dụng đất là 203.945.000 đồng, công trình xây dựng là 75.859.000 đồng; xe máy và máy móc thiết bị 43.400.000 đồng. Tổng cộng là 323.204.000 đồng.

- *Bị đơn bà Thị Đ trình bày:* Chồng bà tên Trịnh Ích T chết năm 2013, không để lại di chúc, trong thời gian sinh sống vợ chồng bà có một căn nhà được xây dựng trên phần đất thổ cư có diện tích ngang 4,5 mét dài 26 mét; nhà, đất tọa lạc tại ấp M, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang. Vợ chồng bà có 02 người con chung tên Trịnh Ái D và Trịnh Ái H. Ngoài ra còn có một số tài sản trong nhà, đất này gia đình đã làm nghề hàn tiện, sửa máy nổ trên 20 năm, tài sản trong nhà là xưởng hàn tiện và sửa chữa máy nổ gồm có: 02 máy tiện (điện năng sử dụng 220v) (01 loại lớn và 01 loại nhỏ); 02 máy hàn loại 250A-300A; 03 chai oxy gió dùng hàn gió đá; một máy phát điện 220v; 01 máy cắt sắt; 01 máy mũi mài; 01 khoan bàn; 01 kéo cắt sắt; 01 xe hon đa nhãn hiệu Đalim (Hàn Quốc) (tất cả đã qua sử dụng).

Nay anh Trịnh Ái D yêu cầu chia đôi nhà, đất nằm trong tổng diện tích ngang 4,5 mét dài 26 mét; nhà, đất tọa lạc tại ấp M, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang và yêu cầu được nhận toàn bộ tài sản là máy, đồ dùng làm nghề hàn tiện, sửa chữa máy nổ thì bà không đồng ý.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Thị Đ không đồng ý chia thừa kế phần nhà, đất diện tích ngang 4,5 mét dài 26 mét, tọa lạc tại ấp M, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang. Bà yêu cầu được hỗ trợ cho anh Trịnh Ái D giá trị nhà, đất bằng tiền mặt là 100.000.000 đồng. Bà yêu cầu nhận phần nhà đất diện tích ngang 4,5 mét dài 26 mét, tọa lạc tại ấp M, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang để sinh sống vì ngoài căn nhà này thì bà không còn nơi nào khác để sinh sống.

Đối với phần tài sản anh Trịnh Ái D yêu cầu được sử dụng toàn bộ phần tài sản gồm 02 máy tiện (01 loại lớn và 01 loại nhỏ), 01 máy hàn, 02 chai oxy gió dùng hàn gió đá; 01 máy phát điện 220v; 01 máy cắt sắt; 01 máy mũi mài; 01 khoan bàn; 01 kéo cắt sắt; 01 xe hon đa nhãn hiệu Đalim (Hàn Quốc) (tất cả đã qua sử dụng) thì bà Thị Đ không đồng ý mà chỉ đồng ý chia đôi số tài sản trên cho 02 con cụ thể như sau: Yêu cầu chia cho anh Trịnh Ái H được sử dụng các tài sản sau: 02 chai oxi, 01 máy phát điện, 01 máy cắt, 01 máy tiện lớn, 01 máy hàn lớn, 01 khoan bàn, 01 kéo cắt sắt và anh Trịnh Ái H thôi cho anh Trịnh Ái D số tiền là 4,5 triệu đồng. Ngoài ra, bà không có ý kiến gì thêm.

Bà Thị Đ đồng ý với kết quả định giá của cơ quan định giá mà Toà án trung cầu định giá, quyền sử dụng đất là 203.945.000 đồng, công trình xây dựng là 75.859.000 đồng, xe máy và máy móc thiết bị 43.400.000 đồng tổng cộng là 323.204.000 đồng.

- *Bị đơn anh Trịnh Ái H trình bày:* Anh thống nhất như lời trình bày của bà Thị Đ. Tại phiên tòa anh Trịnh Ái H có ý kiến: Nếu Tòa chia tài sản thừa kế thì anh

được hưởng một phần trong khối tài sản này và phần tài sản anh được nhận anh thống nhất để cho bà Thị Đ đứng tên. Ngoài ra, không có ý kiến gì khác và không trình bày gì thêm.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan NLQ1 trình bày:* Chị thống nhất như lời trình bày của anh Trịnh Ái D, chị yêu cầu Tòa án xem xét phần công sức đóng góp của chị trong quá trình chung sống với gia đình và yêu cầu xem xét đến số tiền mà bị Thị Đ đã mượn của chị tổng cộng là 51.000.000 đồng. Tuy nhiên, chị không có các chứng cứ chứng minh số tiền nêu trên.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 16/2017/DS-ST ngày 13/7/2017, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

- Căn cứ vào Điều 26, Điều 26, Điều 35, Điều 39, 147, 227, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 357 Bộ luật dân sự 2015;

- Căn cứ vào 471, 474, 476 Bộ luật dân sự 2005;

- Căn cứ vào Điều 18 và Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/PL-UBTVQH 12 ngày 27/02/2009;

Tuyên xử:

1 - Không chấp nhận yêu cầu của anh Trịnh Ái D yêu cầu chia đôi nhà đất có diện tích ngang 4,5 mét, dài 13,5 mét, chiều dài còn lại là 12,5m là phần lấn sông, (theo đo đạc thực tế tại bản vẽ ngày 7/7/2017 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện C có chiều ngang 4,4m chiều dài 26,7m trong đó phần lấn sông Cái Bé là 13,15m).

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Thị Đ đồng ý chia cho anh Trịnh Ái D giá trị nhà, đất bằng tiền mặt là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).

2 - Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Thị Đ tạm giao nhà đất có diện tích ngang 4,5 mét, dài 13,5 mét, chiều dài còn lại là 12,5m là phần lấn chiếm sông, (theo đo đạc thực tế bản vẽ của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện C ngày 7/7/2017 có chiều ngang 4,4m chiều dài 26,7m trong đó phần lấn sông Cái Bé là 13,15m). Bà Thị Đ liên hệ đến cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

3 - Chấp nhận một phần yêu cầu chia hiện vật của anh Trịnh Ái D buộc bà Thị Đ và anh Trịnh Ái H phải giao cho anh Trịnh Ái D: 01 máy tiện Lớn; 01 chai oxy gió dùng hàn gió đá; 01 máy phát điện 220v; 01 máy cắt sắt; 01 khoan bàn ; 01 kéo cắt sắt.

Buộc anh Trịnh Ái D phải bồi lại giá trị cho bà Thị Đ là 14.466.667 đồng và anh Trịnh Ái H là 3.616.666 đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện của anh Trịnh Ái D đồng ý trả lại cho bà Thị Đ 01 máy hàn; 01 chai oxy; Ghi nhận sự tự nguyện của bà Thị Đ cho anh Trịnh Ái D 01 máy tiện nhỏ và 01 xe honda nhãn hiệu Đalim (Hàn Quốc).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không trả số tiền nêu trên thì còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí định giá và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Đến ngày 25/7/2017, anh Trịnh Ái D có đơn kháng cáo với nội dung: Anh yêu cầu chia cho anh 1/3 căn nhà thuộc ½ căn nhà cha anh chết để lại để anh làm lối đi cho gia đình anh từ phía sau ra phía bờ sông. Phần đất phía bờ sông có chiều dài 12,5m, chiều ngang 4,5m thuộc nhà nước quản lý nên phía trước nhà của ai thì người đó được sử dụng, khi nào nhà nước cần thì người sử dụng phải trả cho nhà nước mà không khiếu nại gì nên anh yêu cầu tiếp tục sử dụng. Về các loại máy móc mà anh sử dụng để hành nghề không liên quan đến mẹ anh và anh Trịnh Ái H bởi các loại tài sản là do gia đình anh bỏ tiền ra mua nên không có căn cứ buộc anh phải bồi lại giá trị cho bà Thị Đ và anh Trịnh Ái H gần 20.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của các bên đương sự từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung kháng cáo của anh Trịnh Ái D yêu cầu chia đôi nhà, đất và yêu cầu nhận hiện vật là không có cơ sở chấp nhận. Về phần đất lấn sông Cái Bé có chiều ngang 4,4m, chiều dài 13,15m đây là đất Nhà nước quản lý gắn liền với căn nhà chính, anh Trịnh Ái D yêu cầu được sử dụng phần đất này là không có cơ sở. Đối với các tài sản là máy móc thiết bị làm nghề sửa chữa máy, hàn tiện anh Trịnh Ái D xác định là của gia đình, anh không có chứng cứ chứng minh đây là tài sản của riêng anh tự mua sắm, nên chia theo quy định của pháp luật. Anh Trịnh Ái D được nhận hiện vật và anh có nghĩa vụ hoàn trả giá trị tài sản phần của bà Thị Đ, anh Trịnh Ái H được hưởng là 18.083.333 đồng là đúng theo quy định của pháp luật. Do đó, không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của anh Trịnh Ái D. Tuy nhiên, về án phí phần của anh Trịnh Ái H được hưởng theo quy định của pháp luật

là 33.509.886 đồng nhưng cấp sơ thẩm chưa tính án phí là thiếu sót. Ngoài ra, bản án sơ thẩm áp dụng các Điều 471, 474, 476 Bộ luật dân sự năm 2005 là chưa đúng quan hệ pháp luật tranh chấp. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm về phần án phí và điều luật áp dụng cho phù hợp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Trong quá trình giải quyết vụ án các bên đương sự đều thống nhất xác định nguồn gốc đất trước đây là của ông Trịnh Ích T và bà Thị Đ nhận chuyển nhượng của ông Văn Ngọc H vào năm 1987 và sử dụng ổn định cho đến nay phần nhà và đất có diện tích là ngang 4,5 mét, dài 13,5 mét, chiều dài còn lại là 12,5m là phần lấn chiếm sông, (theo đo đạc thực tế chiều ngang 4,4m chiều dài 26,7m trong đó phần lấn sông Cái Bé là 13,15m) đất tọa lạc tại ấp M, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang. Năm 2013 ông Trịnh Ích T chết không để lại di chúc nên 1/2 phần nhà, đất nêu trên là di sản thừa kế của các đồng thừa kế là bà Thị Đ, anh Trịnh Ái H và anh Trịnh Ái D, 1/2 nhà, đất còn lại là của bà Thị Đ.

[2] Căn cứ Chứng thư định giá ngày 27/11/2015 của Công ty cổ phần Bất Động sản Kiên Giang và công văn số 663/CV-KGRE ngày 23/6/2017 Công ty cổ phần Bất Động sản Kiên Giang, trị giá nhà và đất là 179.359.320 đồng, trong đó giá trị phần di sản của ông Trịnh Ích T để lại là 89.679.660 đồng nên phần thừa kế của anh Trịnh Ái D là 29.893.220 đồng. Do phần thừa kế của anh Trịnh Ái D trong khối di sản của ông Trịnh Ích T để lại là rất nhỏ. Mặt khác, nhà, đất đang tranh chấp hiện nay bà Thị Đ và anh Trịnh Ái H đang quản lý, sử dụng, ngoài nhà đất này, bà Thị Đ và anh Trịnh Ái H không còn nhà đất nào khác. Còn phía anh Trịnh Ái D hiện nay đang sinh sống ổn định tại căn nhà ở tổ 7 ấp M từ năm 2011 (bút lục 77, 78). Vì vậy, không có căn cứ để chia cho anh Trịnh Ái D một phần nhà, đất tranh chấp. Trong quá trình giải quyết vụ án bà Thị Đ đồng ý hỗ trợ cho anh Trịnh Ái D giá trị nhà, đất bằng là 100.000.000 đồng nên Tòa án cấp sơ thẩm ghi nhận là phù hợp. Đối với phần đất lấn sông Cái Bé chiều ngang 4,4m, chiều dài 13,5m là thuộc quản lý của Nhà nước và phần đất này gắn liền với phần đất bà Thị Đ và anh Trịnh Ái H đang ở nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử giao cho anh Trịnh Ái D sử dụng phần đất này. Do đó, không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của anh Trịnh Ái D về phần này.

[3] Đối với các tài sản như: 02 máy tiện, 02 máy hàn, 03 chai oxy gió dùng hàn gió đá; 01 máy phát điện 220v; 01 máy cắt sắt; 01 máy mũi mài; 01 khoan bàn;

01 kéo cắt sắt; 01 xe máy nhãn hiệu Đalim (Hàn Quốc), anh Trịnh Ái D xác định đây là tài sản của gia đình. Tại phiên tòa sơ thẩm cũng như phúc thẩm hôm nay, anh Trịnh Ái D cho rằng các tài sản trên toàn bộ do anh mua sắm nhưng anh Trịnh Ái D không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở để xác định đây là tài sản riêng của anh Trịnh Ái D. Các đương sự xác định các máy móc thiết bị có từ lúc ông Trịnh Ích T hành nghề hàn tiện nên có cơ sở để xác định $\frac{1}{2}$ các tài sản trên là di sản của ông Trịnh Ích T để lại. Anh Trịnh Ái D được hưởng $\frac{1}{3}$ trong số $\frac{1}{2}$ các tài sản trên. Tuy nhiên, đối với phần tài sản là máy móc dùng trong hàn tiện từ trước đến nay công việc hàn tiện là công việc chính của anh Trịnh Ái D còn hiện nay bà Thị Đ thì già yếu thường xuyên bệnh tật, còn anh Trịnh Ái H thừa nhận không thừa xuyên hàn tiện và không đủ sức khỏe để hàn tiện nên Tòa án cấp sơ thẩm giao các tài sản trên cho anh Trịnh Ái D quản lý sử dụng và anh Trịnh Ái D có nghĩa vụ hoàn trả phần giá trị tài sản cho bà Thị Đ và anh Trịnh Ái H là hoàn toàn phù hợp. Do đó, kháng cáo của anh Trịnh Ái D về phần này cũng không có căn cứ chấp nhận.

Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Điều 471, 474, 476 Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết vụ án là không đúng quan hệ pháp luật tranh chấp nên cần thiết phải sửa điều luật áp dụng.

Về án phí: Tòa án cấp sơ thẩm chỉ tính án phí phần tài sản anh Trịnh Ái D được chia theo pháp luật là 29.893.220 đồng mà không tính án phí trên toàn bộ giá trị tài sản anh Trịnh Ái D được chia; không tính án phí đối với phần tài sản anh Trịnh Ái H được chia là vi phạm khoản 7 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/PL/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Ngoài ra, bản án sơ thẩm không khấu trừ số tiền 200.000 đồng anh Trịnh Ái D đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 07081 ngày 28/10/2014 là sai sót. Do đó, cần thiết phải sửa về phần án phí và xác định mức án phí sơ thẩm mà các đương sự phải chịu như sau:

Anh Trịnh Ái D phải chịu án phí trên toàn bộ tài sản được chia tính theo giá trị là 100.000.000 đồng + 3.616.666 đồng = 103.616.666 đồng, số tiền án phí anh Trịnh Ái D phải nộp là: 103.616.666 đồng x 5% = 5.180.833 đồng, khấu trừ 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 07081 ngày 28/10/2014 và 3.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 07168 ngày 24/12/2014 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Kiên Giang. Anh D còn phải nộp thêm số tiền là 1.980.833 đồng.

Bà Thị Đ phải chịu án phí trên toàn bộ tài sản được chưa tính theo giá trị là 29.893.220 đồng + 3.616.666 đồng = 33.509.886 đồng, số tiền án phí bà Thị Đ phải nộp là: 33.509.886 đồng x 5% = 1.675.494 đồng, khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 002748 ngày 22/02/2014 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Kiên Giang. Bà Thị Đ còn phải nộp thêm số tiền là 1.375.494 đồng.

Anh Trịnh Ái H phải chịu án phí trên toàn bộ tài sản được chưa tính theo giá trị là 29.893.220 đồng + 3.616.666 đồng = 33.509.886 đồng, số tiền án phí anh Trịnh Ái H phải nộp là: 33.509.886 đồng x 5% = 1.675.494 đồng.

Từ những phân tích và đánh giá nêu trên, qua thảo luận nghị án Hội đồng xét xử thống nhất ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 16/2017/DS-ST ngày 13 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng Điều 634, 635, 636, 675, 676, Bộ luật dân sự 2005; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.
- Áp dụng Pháp lệnh số 10/2009/PL/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Trịnh Ái D.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 16/2017/DS-ST ngày 13 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Kiên Giang.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Trịnh Ái D.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Thị Đ chia cho anh Trịnh Ái D giá trị nhà, đất bằng giá trị là 100.000.000 đồng (*một trăm triệu đồng*).

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Thị Đ. Tạm giao cho bà Thị Đ nhà, đất tọa lạc tại ấp M, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang, vị trí đo đạc thực tế theo bản vẽ của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện C ngày 07/7/2017 đất có chiều ngang 4,4m chiều dài 26,7m trong đó phần lấn sông Cái Bé là 13,15m. Bà

Thị Đ liên hệ đến cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

3. Buộc bà Thị Đ và anh Trịnh Ái H phải giao cho anh Trịnh Ái D: 01 máy tiện Lớn; 01 chai oxy gió dùng hàn gió đá; 01 máy phát điện 220v; 01 máy cắt sắt; 01 khoan bàn ; 01 kéo cắt sắt.

Buộc anh Trịnh Ái D phải hoàn trả giá trị cho bà Thị Đ là 14.466.667 đồng và anh Trịnh Ái H là 3.616.666 đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện của anh Trịnh Ái D đồng ý giao trả cho bà Thị Đ 01 máy hàn; 01 chai oxy.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Thị Đ giao cho anh Trịnh Ái D 01 máy tiện nhỏ và 01 xe máy nhãn hiệu Đalim (Hàn Quốc).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không trả số tiền nêu trên thì còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

4. Về chi phí định giá: Buộc nguyên đơn ông Trịnh Ái D phải chịu chi phí thẩm định giá tổng cộng là 1.280.000 đồng, ông Trịnh Ái D đã nộp xong nên không phải nộp thêm.

5. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Buộc nguyên đơn ông Trịnh Ái D phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 628.000 đồng, bà Thị Đ tạm ứng chi phí này. Do đó, buộc nguyên đơn ông Trịnh Ái D phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bị đơn bà Thị Đ số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 628.000 đồng (*sáu trăm hai mươi tám ngàn đồng*)..

6. Về án phí:

Án phí sơ thẩm:

Anh Trịnh Ái D phải chịu án phí trên toàn bộ tài sản được chưa tính theo giá trị là $100.000.000 \text{ đồng} + 3.616.666 \text{ đồng} = 103.616.666 \text{ đồng}$, số tiền án phí anh Trịnh Ái D phải nộp là: $103.616.666 \text{ đồng} \times 5\% = 5.180.833 \text{ đồng}$, khấu trừ 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 07081 ngày 28/10/2014 và 3.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 07168 ngày 24/12/2014 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Kiên Giang. Ông Dân còn phải nộp thêm số tiền là 1.980.833 đồng (*một triệu chín trăm tám mươi ngàn tám trăm ba mươi ba đồng*)..

Bà Thị Đ phải chịu án phí trên toàn bộ tài sản được chưa tính theo giá trị là 29.893.220 đồng + 3.616.666 đồng = 33.509.886 đồng, số tiền án phí bà Thị Đ phải nộp là: 33.509.886 đồng x 5% = 1.675.494 đồng, khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 002748 ngày 22/02/2014 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Kiên Giang. Bà Thị Đ còn phải nộp thêm số tiền là 1.375.494 đồng (*một triệu ba trăm bảy mươi lăm ngàn bốn trăm chín mươi bốn đồng*)..

Anh Trịnh Ái H phải chịu án phí trên toàn bộ tài sản được chưa tính theo giá trị là 29.893.220 đồng + 3.616.666 đồng = 33.509.886 đồng, số tiền án phí anh Trịnh Ái H phải nộp là: 33.509.886 đồng x 5% = 1.675.494 đồng (*một triệu sáu trăm bảy mươi lăm ngàn bốn trăm chín mươi bốn đồng*).

Án phí phúc thẩm: Anh Trịnh Ái D không phải nộp án phí phúc thẩm. Hoàn trả cho anh Trịnh Ái D 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0009833 ngày 25/7/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Đường sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Đình Thi